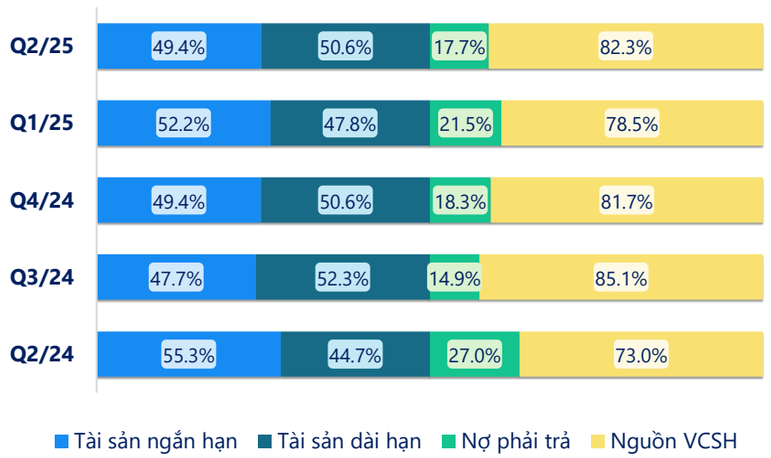
FireAnt

CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HSX: PPC)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	11,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,742
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,550
SL cổ phiếu LH	320,613,054
KLGD BQ 20 phiên (CP)	390,805
% sở hữu nước ngoài	4.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,687
P/E	15.9
EPS	721

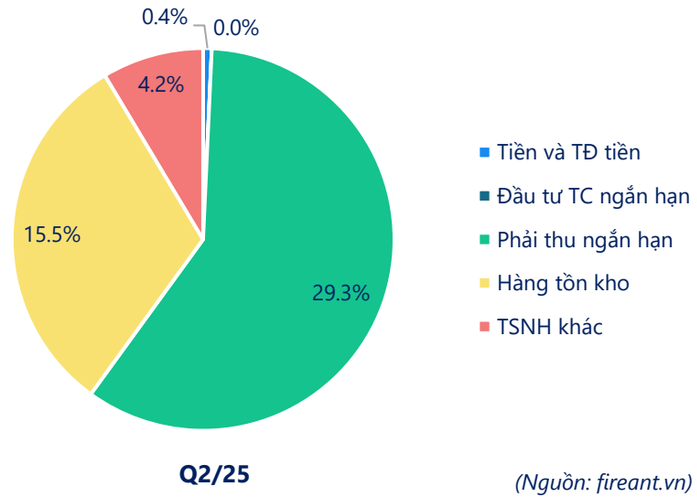
	YTD	1T	3T	6T
PPC	3.1%	-5.0%	-0.9%	2.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



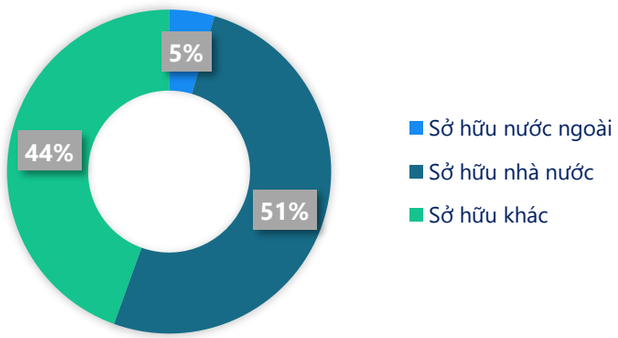
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



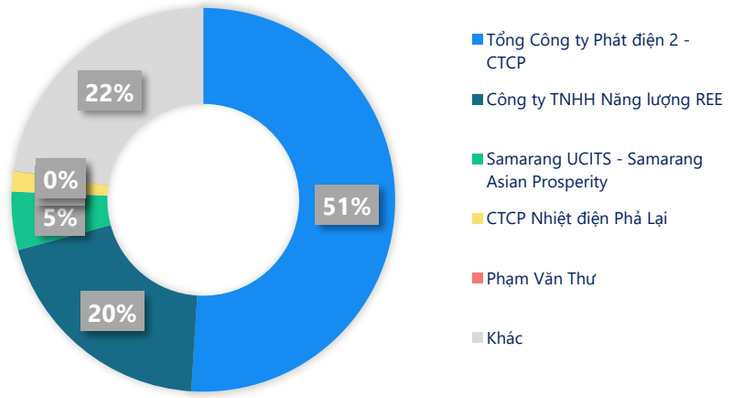
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



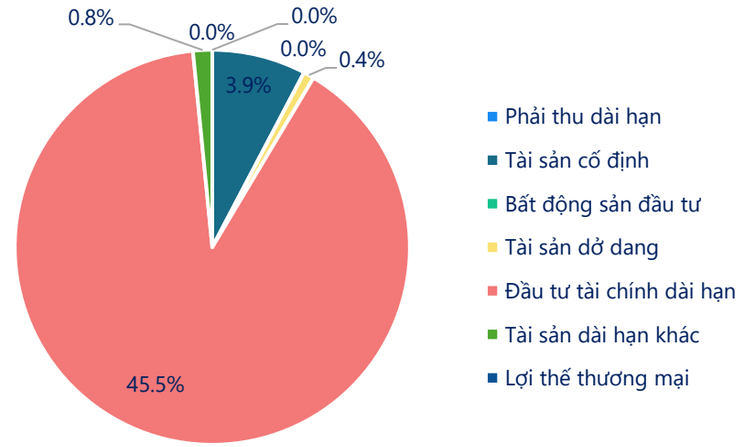
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

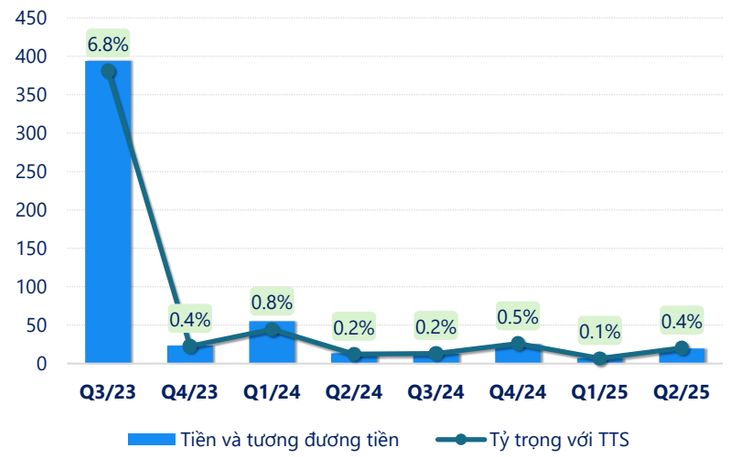


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

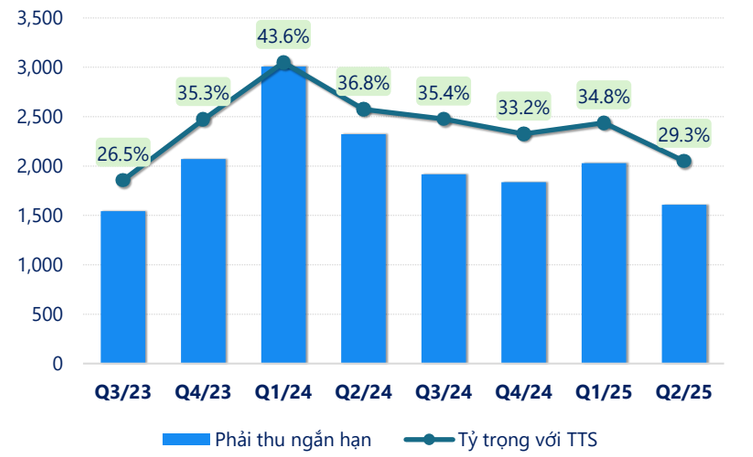
CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HSX: PPC)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



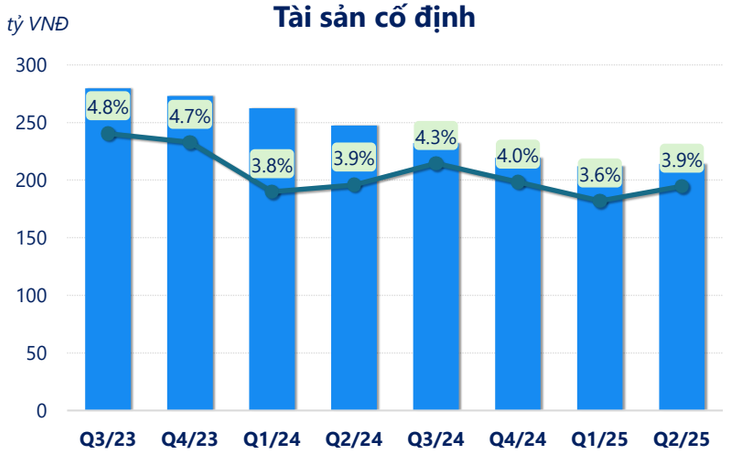
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



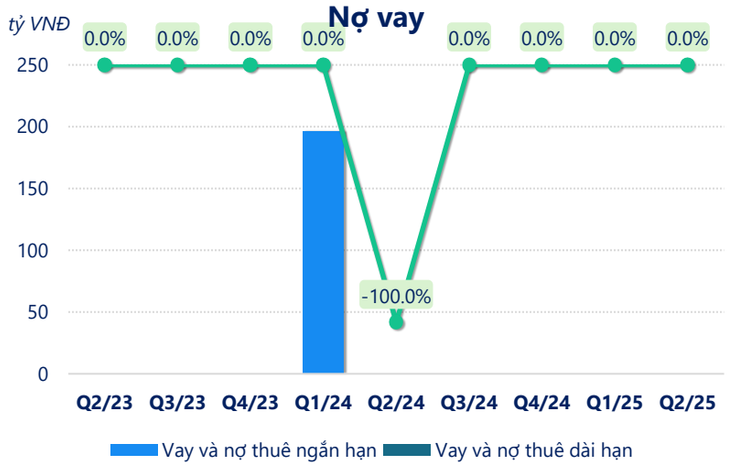
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



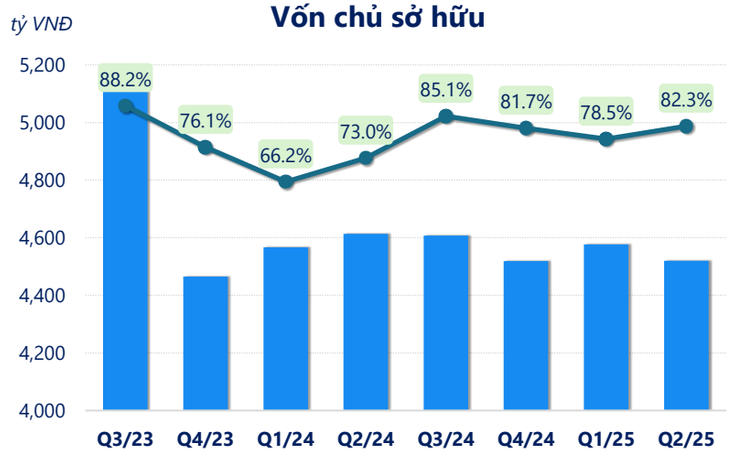
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

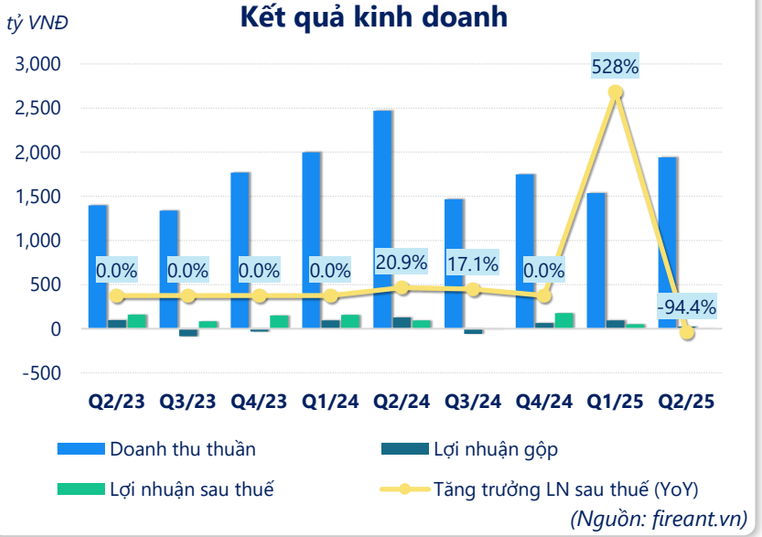


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

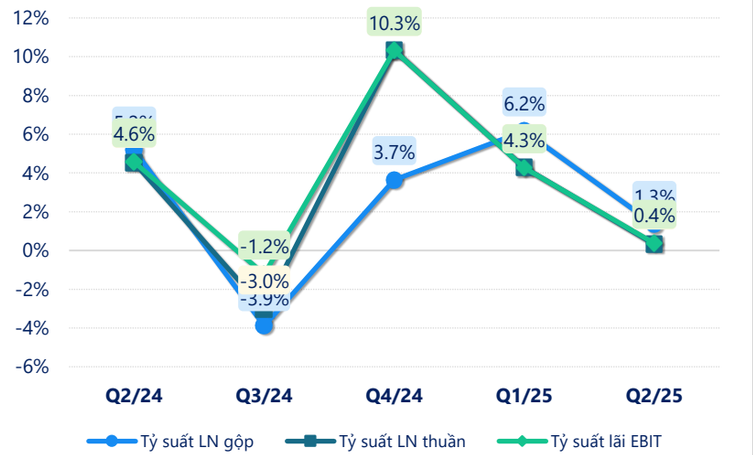
CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HSX: PPC)

Kết quả kinh doanh



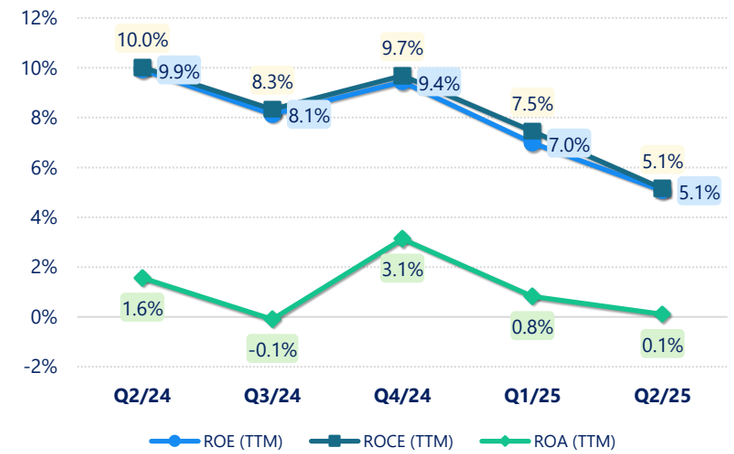
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



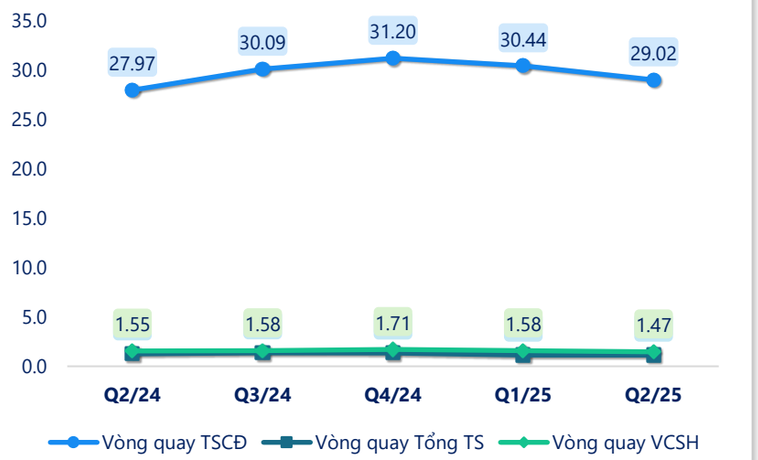
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



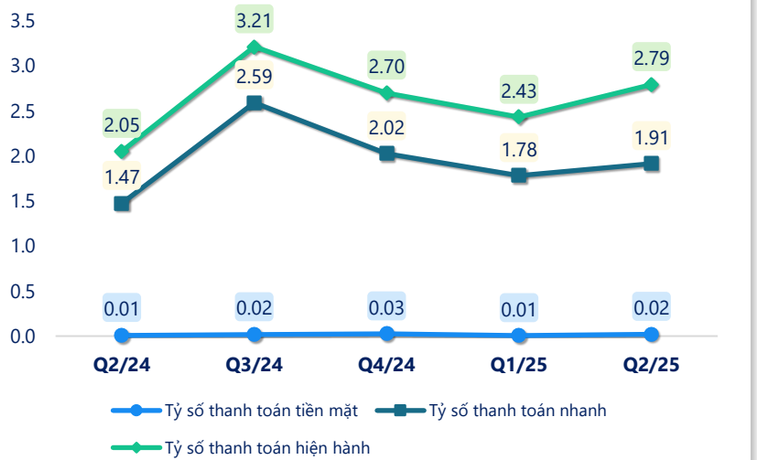
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



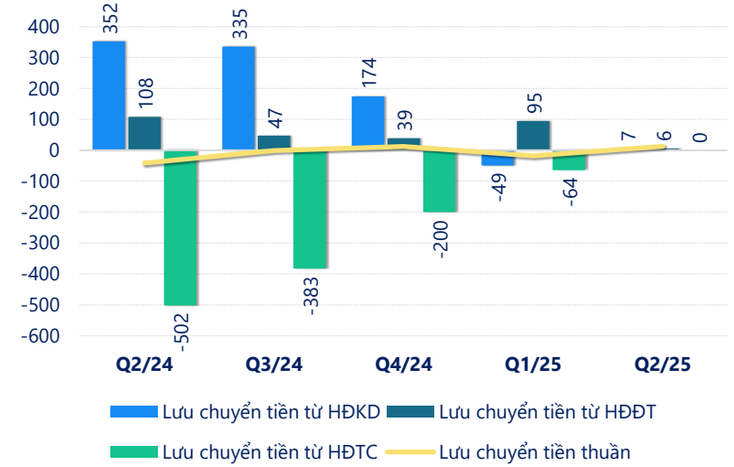
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HSX: PPC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,492**	**5,534**	**-0.8%**
Tài sản ngắn hạn	2,713	2,730	-0.6%
Tiền và tương đương tiền	19.7	25.5	-22.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,608	1,838	-12.5%
Hàng tồn kho	853	682	24.9%
Tài sản ngắn hạn khác	233	185	26.0%
Tài sản dài hạn	**2,779**	**2,803**	**-0.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	214	219	-2.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	24.1	25.9	-7.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,497	2,497	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**43.5**	**60.5**	**-28.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	972	1,009	-3.7%
Nợ ngắn hạn	**972**	**1,009**	**-3.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	733	799	-8.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,520**	**4,524**	**-0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**4,520**	**4,524**	**-0.1%**
Vốn điều lệ	3,262	3,262	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	2,469	1,465	1,750	1,536	1,940
Giá vốn hàng bán	2,341	1,522	1,686	1,441	1,914
Lợi nhuận gộp	128	-56.9	63.9	94.7	25.9
Doanh thu HĐTC	18.6	45.5	167	0.02	2.28
Chi phí TC	1.77	0.01	1.25	0	0.04
Chi phí lãi vay	0.40	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	32.7	32.9	49.3	29.1	21.9
LN thuần từ HĐKD	112	-44.3	181	65.6	6.26
Lợi nhuận khác	0.30	26.4	0.01	-0.20	0.85
LN trước thuế	112	-18.0	181	65.4	7.12
Lợi nhuận sau thuế	93.8	-5.31	178	52.3	6.09
LNST của CĐ cty mẹ	93.8	-5.31	178	52.3	6.09

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	352	335	174	-49.4	6.78
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	108	46.9	38.7	95.1	5.92
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-502	-383	-200	-64.1	0
Tiền đầu kỳ	55.1	13.7	12.8	25.5	7.02
Lưu chuyển tiền thuần	**-41.4**	**-0.90**	**12.7**	**-18.4**	**12.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.7	12.8	25.5	7.02	19.7

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic